

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 550/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 27 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum đến năm 2040

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy tại Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024, Công văn số 1431/UBND-TH ngày 06 tháng 8 năm 2024 về phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum đến năm 2040; ý kiến của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 87/BC-SXD ngày 30 tháng 5 năm 2024, Công văn số 1288/SXD-QHKT ngày 07 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum đến năm 2040 với các nội dung chủ yếu như sau⁽⁵⁾:

1. Tên nhiệm vụ, tỷ lệ quy hoạch

a) Tên nhiệm vụ: Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum đến năm 2040.

b) Tỷ lệ quy hoạch: 1/25.000.

2. Phạm vi ranh giới vùng và thời hạn quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch xây dựng vùng huyện bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện, với 07 đơn vị hành chính (thị trấn Đăk Rve và 06 xã: Đăk Pnê, Tân Lập, Đăk Ruồng, Đăk Tờ Re, Đăk Tờ Lung, Đăk Kôi), giới hạn tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Kon Plông;

- Phía Nam giáp huyện Kbang và huyện Đăk Đoa (tỉnh Gia Lai);

⁽⁵⁾ Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tại cuộc họp ngày 26 tháng 8 năm 2024.

- Phía Đông giáp huyện Kon Plông và huyện Kbang (*tỉnh Gia Lai*);
- Phía Tây giáp huyện Đăk Hà và thành phố Kon Tum.

b) Quy mô diện tích vùng: Tổng diện tích tự nhiên của huyện khoảng 91.390,34 ha (913,9 km²).

c) Quy mô dân số vùng: Dân số trung bình toàn huyện năm 2023 là 31.639 người, trong đó, dân số thành thị là 5.576 người, dân số nông thôn là 26.063 người.

d) Thời hạn quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030; giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

3. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

a) Quan điểm

- Phát triển huyện Kon Rẫy theo hướng tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm và chuyên sâu về nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp sạch và dịch vụ - du lịch; đảm bảo 3 mục tiêu bền vững: kinh tế bền vững, xã hội và môi trường bền vững.

- Phát triển kinh tế với việc bố trí hợp lý và tập trung các khu vực kinh tế trọng tâm, giảm thiểu các khu vực không chính thức, phân tán, nhỏ lẻ. Cân đối giữa lợi ích phát triển kinh tế với các lợi ích khác; ưu tiên phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế phục vụ cho hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, dịch vụ, du lịch và các ngành kinh tế gắn với phát triển đô thị...

- Phát triển xã hội với việc đô thị hóa mở rộng và xây dựng nông thôn mới. Trong đó về phát triển đô thị, ưu tiên các khu vực đã và đang có cơ hội phát triển như: thị trấn Đăk Rve, trung tâm huyện lỵ Kon Rẫy, khu vực đô thị hai bên Quốc lộ 24, Đường tỉnh 677 nhằm tạo lực kéo đẩy mạnh, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa khu vực còn lại trong huyện.

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với việc bảo vệ quỹ đất nông nghiệp, bảo vệ môi trường, di sản văn hóa, quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội. Đảm bảo sự cân bằng hữu cơ giữa xây dựng cũ và xây dựng mới, hạn chế những biến đổi bất lợi về môi trường tự nhiên và xã hội.

- Quy hoạch xây dựng khu vực trên quan điểm kinh tế mở, có cơ chế chính sách hợp lý, tạo điều kiện tốt cho hội nhập và tăng cường hợp tác kinh tế, thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế, kể cả nguồn lực trong nước và nước ngoài cho phát triển khu vực.

b) Mục tiêu quy hoạch

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế so sánh, phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để xây dựng huyện Kon Rẫy trở thành huyện phát triển bền vững, hiện đại và sôi động.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ để khu vực trung tâm huyện Kon Rẫy đến năm 2025 đạt tiêu chí về trình độ phát triển tương ứng đô thị loại V; đến năm 2030 trung tâm huyện lỵ Kon Rẫy (*huyện Kon Rẫy*) đạt tiêu chí đô thị loại V.

4. Tính chất, chức năng vùng

- Vùng huyện Kon Rẫy là một trong những cực vệ tinh quan trọng phía Đông của tỉnh, đóng vai trò kết nối và hỗ trợ giao thương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh và địa phương.

- Là đầu mối giao thông liên vùng quan trọng của tỉnh, có tuyến Quốc lộ 24 và cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum đi qua, nằm trong miền ảnh hưởng của hành lang kinh tế Quốc lộ 24 giúp cho huyện có lợi thế trong việc thông thương, giao lưu trao đổi hàng hóa với các khu vực trong và ngoài tỉnh.

- Là vùng tập trung phát triển 04 ngành, nhóm ngành mũi nhọn của tỉnh, bao gồm: nhóm ngành nông - lâm nghiệp, nhóm ngành công nghiệp khai thác - chế biến, ngành du lịch, ngành năng lượng.

- Là vùng có tiềm năng về đất đai, tài nguyên rừng và tài nguyên nước có cảnh quan thiên nhiên đẹp, có các di tích lịch sử - cách mạng, kết hợp văn hóa con người vùng huyện Kon Rẫy thuận lợi phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch dã ngoại, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa - tâm linh; du lịch nghỉ dưỡng và du lịch ẩm thực.

5. Các dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án

a) Dự báo quy mô dân số

- Dân số toàn huyện đến năm 2030 khoảng 33.600 người.

- Dân số toàn huyện đến năm 2040 khoảng 40.200 người.

b) Tỷ lệ đô thị hóa

- Tỷ lệ đô thị hóa đến 2030 khoảng 47,62%, quy mô dân số đô thị khoảng 16.000 người.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến 2040 khoảng 62,93%, quy mô dân số đô thị khoảng 25.300 người.

c) Quy mô đất đai: Quy mô diện tích tự nhiên của huyện khoảng 91.390,34 ha. Dự báo quy mô diện tích đất phi nông nghiệp (đất xây dựng đô thị, nông thôn, khu chức năng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội) vùng huyện như sau:

- Đến năm 2030 quy mô diện tích đất phi nông nghiệp khoảng 4.643 ha, đất xây dựng đô thị khoảng 1.000 ha.

- Đến năm 2040 quy mô diện tích đất phi nông nghiệp khoảng 5.600 ha, đất xây dựng đô thị khoảng 1.500ha.

d) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đề án

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2040
1	Dân số toàn huyện	1.000 người	33,6	40,2
-	Tỷ lệ tăng dân số trung bình/năm	%	0,86	1,80
2	Tỷ lệ đô thị hóa	%	47,62	62,93
3	Đất dân dụng đô thị	m ² /người	70 - 100	70 - 100
4	Đất ở			
-	Khu vực đô thị	m ² /người	45 - 55	45 - 55
-	Khu vực nông thôn	m ² /người	> 25	> 25
5	Chỉ tiêu cấp điện			
5.1	Cấp điện sinh hoạt	Qsh		
-	Khu vực đô thị	W/người	200	330
-	Các điểm dân cư nông thôn	W/người	150	150
5.2	Công nghiệp	kW/ha	50 - 250	50 - 250
5.3	Công cộng - Dịch vụ			
-	Khu vực đô thị	% Qsh	30	30
-	Các điểm dân cư nông thôn	% Qsh	15	15
6	Chỉ tiêu cấp nước			
6.1	Sinh hoạt	Qsh		
-	Khu vực đô thị	lít/người/ngày đêm	100	120
-	Các điểm dân cư nông thôn	lít/người/ngày đêm	60	80
6.2	Công nghiệp	m ³ /ha/ngày đêm	> 20	> 20
6.3	Công cộng	%Qsh	10	10

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2040
7	Thu gom nước thải			
7.1	Thu gom nước thải sinh hoạt			
-	Đô thị	% Q_{sh}	90	95
-	Các điểm dân cư nông thôn	% Q_{sh}	80	80
7.2	Thu gom nước thải công nghiệp	% Q_{cn}	100	100
8	Cây xanh	m ² /người		
-	Đô thị	m ² /người	8 - 10	8 - 10
-	Các điểm dân cư nông thôn	m ² /người	≥ 2	≥ 2
9	Đất giao thông đô thị	% đất xây dựng	≥ 16	≥ 16

Ghi chú: Các dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện. Trường hợp các dự báo và các chỉ tiêu có sự thay đổi so với nhiệm vụ cần phải luận chứng cụ thể và thông qua các cấp có thẩm quyền xem xét, đảm bảo phù hợp với các yêu cầu phát triển vùng huyện.

6. Các yêu cầu về nội dung lập quy hoạch vùng huyện

a) Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch huyện; các căn cứ lập quy hoạch; vị trí, quy mô, phạm vi lập quy hoạch; quan điểm và mục tiêu phát triển của vùng.

b) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng.

c) Đánh giá, rà soát việc thực hiện các quy hoạch đang có hiệu lực.

d) Xác định mục tiêu phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng.

đ) Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển 10 năm, 20 năm; xác định các chỉ tiêu kỹ thuật theo mục tiêu phát triển.

e) Định hướng phát triển không gian vùng huyện

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng;

- Xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển;

- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng;

- Xác định mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị;

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục, thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị; phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng.

g) Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng huyện

Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng huyện, gồm: chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cung cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.

h) Đánh giá môi trường chiến lược

- Những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn;

- Hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng- sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng;

- Dự báo xu thế các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch;

- Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

i) Quy định quản lý theo quy hoạch huyện

- Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý.

- Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế.

- Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn.

- Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng.

- Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho các cấp chính quyền địa phương trong vùng theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

- Các quy định khác theo chức năng của vùng.

k) Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên

- Các mục tiêu, quan điểm xác định lĩnh vực ưu tiên đầu tư.

- Đẩy mạnh các động lực phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn, phát triển các kết cấu hạ tầng để phát triển công nghiệp tăng khả năng thu hút đầu tư:

+ Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và nhà ở.

+ Bảo vệ môi trường tự nhiên, hạn chế các tác động xấu của phát triển công nghiệp và dân cư.

+ Bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và di sản văn hóa truyền thống trên địa bàn huyện.

- Các chương trình đầu tư:

+ Trên cơ sở của đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện và dự báo khả năng đầu tư của các nhà đầu tư, xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu.

+ Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư với sự ưu tiên các dự án mang ý nghĩa tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, phát triển đầu mối hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.

+ Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: các khu trung tâm động lực, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hóa các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên về giao thông, cao độ nền và thoát nước mặt, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang.

- Tổng hợp kinh phí đầu tư, nguồn lực thực hiện, đề xuất nguồn lực thực hiện:

+ Trên cơ sở danh mục và lộ trình cho các chương trình phát triển của vùng huyện (*khu vực đô thị, nông thôn, các trung tâm chuyên ngành như: du lịch, thương mại, nông lâm nghiệp, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, công nghiệp...*), từ đó xác định nhu cầu kinh phí cho các dự án trọng điểm phát triển toàn khu vực cho các chương trình theo từng giai đoạn phát triển.

+ Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng đợt đầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn huyện.

+ Đề xuất nguồn lực thực hiện.

7. Hồ sơ sản phẩm

Thành phần, quy cách hồ sơ và nội dung nhiệm vụ thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2022/TT-BXD.

8. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.
- Cơ quan trình duyệt: Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy.
- Đơn vị tư vấn: Lựa chọn theo quy định pháp luật về đấu thầu.
- Thời gian lập quy hoạch không quá 12 tháng sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về tính đúng đắn, chính xác, hợp pháp, thống nhất số liệu, tài liệu trình và tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum đến năm 2040 theo quy định. Rà soát, đánh giá, kế thừa những tài liệu, số liệu quy hoạch được duyệt, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát ngân sách.

b) Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung trình, tổ chức thẩm định, trình phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum đến năm 2040 theo quy định.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Sâm